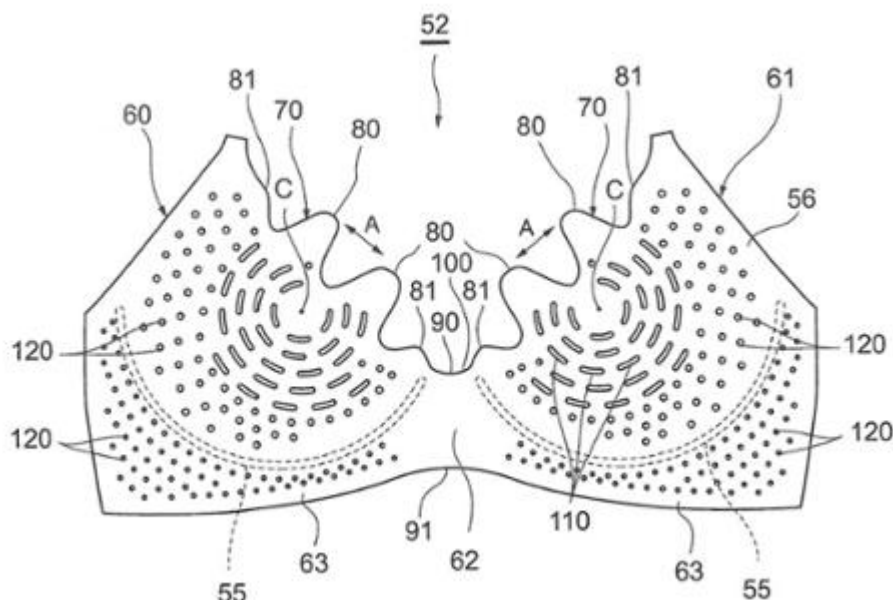


(74) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)



Lĩnh vực kỹ thuật được đề cập

Sáng chế liên quan đến đồ để mặc và áo ngực.

Tình trạng kỹ thuật của sáng chế

Đồ để mặc có phần cốt, chẳng hạn như áo ngực (là đồ lót dành cho phụ nữ), có thể được thiết kế để có phần cốt trong (cốt đúc) bên trong phần cốt để thể hiện lực tăng lên để giữ ngực của người mặc (xem Tài liệu sáng chế 1).

Danh sách tài liệu tham chiếu

Tài liệu sáng chế

Tài liệu sáng chế 1: JP2014-111854 A

Vấn đề kỹ thuật cần giải quyết

Phần cốt của loại áo ngực nêu trên thường có mức độ co giãn và biến dạng thấp hơn. Theo đó, áo ngực này trở nên kém linh hoạt và không thể phù hợp với kích thước, hình dạng, vị trí, ... của bộ ngực của ừng người mặc, khiến cho người mặc có thể cảm thấy áo ngực không vừa với ngực của họ.

Bản chất kỹ thuật của sáng chế

Sáng chế này được tạo ra trong trường hợp được mô tả như trên. Mục đích của sáng chế là đề xuất đồ để mặc, chẳng hạn như áo ngực, có đặc tính vừa vặn cực kỳ để tạo ra sự vừa vặn thích hợp đối với nhiều người mặc.

Giải quyết vấn đề

Theo một khía cạnh, sáng chế đề xuất đồ để mặc (1), có phần cốt (10) để che ngực của người mặc người mà mặc đồ để mặc (1), trong đó phần cốt (10) có phần cốt trong (52) được bố trí bên trong phần cốt (10), cốt trong (52) có phần mặt trên (70), và phần mặt trên (70) có cấu trúc dạng lượn sóng.

Hiệu quả có lợi của sáng chế

Sáng chế liên quan đến đồ để mặc, chẳng hạn như áo ngực, áo ngực này rất vượt trội về đặc tính vừa vặn để tạo ra sự vừa vặn cho nhiều người mặc.

Mô tả vắn tắt các hình vẽ

Fig. 1 là hình minh họa giải thích cho một ví dụ về cấu tạo của áo ngực.

Fig. 2 là hình minh họa giải thích cho mỗi lớp của phần cổ.

Fig. 3 là hình minh họa giải thích cho một ví dụ về mặt cắt dọc của phần cổ.

Fig. 4 là hình chiếu mặt trước của cốc trong.

Fig. 5 là hình chiếu phóng to của cốc trong.

Fig. 6 là hình minh họa giải thích cho một ví dụ về trạng thái khi được mặc của cốc trong của áo ngực.

Fig. 7 là hình minh họa giải thích cho một ví dụ về trạng thái khi được mặc của cốc trong của áo ngực.

Mô tả chi tiết sáng chế

Sau đây, các phương án ưu tiên của sáng chế sẽ được mô tả với sự tham chiếu tới các hình vẽ đi kèm. Cũng cần lưu ý rằng, các thành phần tương tự sẽ có cùng số dẫn chiếu và giải thích trùng lặp cho các thành phần này sẽ được lược bỏ. Cũng cần lưu ý rằng, các tỷ lệ kích thước khác nhau được thể hiện trong các bản vẽ không bị giới hạn ở các tỷ lệ được minh họa trong các hình vẽ. Các phương án dưới đây chỉ là các ví dụ để mô tả sáng chế này và sáng chế này không bị giới hạn ở các phương án được mô tả.

Cấu tạo tổng thể của áo ngực

Fig. 1 là hình minh họa giải thích cho một ví dụ về cấu tạo của áo ngực 1, là đồ để mặc theo phương án này. Áo ngực 1 bao gồm, ví dụ: phần cốc 10 mà che ngực của người mặc, người mà mặc áo ngực 1; phần lưng 11 và 12 được bố trí trên các mặt ngoài bên phải và bên trái của phần cốc 10 để che nách và lưng của người mặc; phần cài 13 được bố trí ở các đầu ngoài tương ứng của phần lưng 11 và 12 để cài phần lưng 11 và 12 với nhau; và dây đai 14 và 15, mỗi dây được bố trí để nối từ phần cốc 10 qua vai của người mặc và nối với phần lưng 11, 12. Fig. 1 minh họa áo ngực 1 khi được quan sát từ mặt trước, với phần lưng 11 và 12 không được cài và trải sang hai bên. Các từ “phía trên,” “phía dưới,” “trên,” “dưới,” “trái” và “phải,” như được sử dụng ở đây, để chỉ các hướng tương ứng khi quan sát từ mặt trước của Fig. 1. Hơn nữa, thuật ngữ “về phía trước” để

chỉ hướng mở rộng đến mặt trước của Fig. 1, trong khi thuật ngữ “về phía sau” để chỉ hướng mở rộng đến mặt sau của Fig. 1.

Phần cốt 10 được tạo hình sao cho nửa bên phải và nửa bên trái của nó là đối xứng khi nhìn từ mặt trước, và chiều rộng của nó theo hướng lên xuống tăng từ đầu bên phải và bên trái của nó hướng về tâm và sau đó giảm từ từ theo hướng về tâm. Ví dụ, phần cốt 10 có phần cốt phải và trái 20 và 21 và phần nối 22 mà nối phần cốt bên phải và bên trái 20 và 21. Mỗi phần cốt 20, 21 có hình dạng vòm nhô ra phía trước theo kiểu ba chiều để vừa vặn với hình dạng của ngực người mặc. Phần cốt 20, 21 có cạnh trên 30, 31 đi lên dần dần từ phần nối 22 ở trung tâm hướng ra mặt ngoài theo hướng phải và trái khi nhìn từ đằng trước. Cạnh trên 30, 31 cong đều để nhô ra phía trên khi nhìn từ mặt trước. Phần cốt 20, 21 cũng có cạnh dưới 32, 33 mà nhô ra phía dưới bằng cách làm cong từ phần nối 22 ở trung tâm hướng ra mặt ngoài theo hướng phải và trái khi nhìn từ mặt trước.

Cấu tạo tổng thể của phần cốt

Như thể hiện trong Fig. 2 và 3, phần cốt 10 có cấu trúc dạng lớp được hình thành từ nhiều lớp xếp chồng lên nhau theo hướng mặt trước và mặt sau. Phần cốt 10 bao gồm, ví dụ, vải lót 50, lớp đệm 51, cốt trong 52, lớp đệm 53 và vải ngoài 54, mà được xếp lớp theo trật tự này từ mặt sau (phía sau) đến mặt trước.

Vải lót 50 và vải ngoài 54 không bị hạn chế cụ thể và mỗi vải có thể là, ví dụ, vải sợi nylon. Mỗi lớp đệm 51 và 53 được làm từ vật liệu bọt, chẳng hạn như bọt uretan. Mỗi lớp đệm 51 và 53 có độ dày, ví dụ, khoảng từ 2mm đến 2,5mm. Lớp đệm 51 và 53 có độ co giãn và độ linh hoạt cao hơn so với vải lót 50, vải ngoài 54 và cốt trong 52. Như được minh họa trong Fig. 2, vải lót 50, lớp đệm 51 và 53, và vải ngoài 54 lần lượt có các cạnh trên 50a, 51a, 53a và 54a, mỗi cạnh dần dần đi lên từ trung tâm về mặt ngoài theo hướng phải và trái theo cùng một cách như các cạnh trên 30 và 31 của phần cốt 10.

Cốt trong 52 là, ví dụ, bọt uretan, chẳng hạn như polyuretan nylon. Cốt trong 52 được hình thành thông qua ép phun. Ví dụ, cốt trong 52 cứng hơn so với các lớp đệm 51 và 53 và có chức năng để giữ lại hình dạng ba chiều của phần cốt 10. Cốt trong 52 có độ dày, ví dụ, khoảng từ 0,05mm đến 4,5mm. Vật liệu cho cốt trong 52 không bị hạn chế ở bọt uretan, và vải không dệt, vật liệu dệt kim hoặc vải dệt kim khác cũng có thể

được sử dụng. Một dây nhựa 55 được bố trí bên trong phần thấp hơn của cốc trong 52. Cấu tạo chi tiết của cốc trong 52 sẽ được mô tả sau.

Lớp lưới 56 được bố trí ở mặt trước của cốc trong 52. Lớp lưới 56 được bố trí để hỗ trợ duy trì hình dạng của cốc trong 52, và lớp lưới 56 được làm bằng vải. Lớp lưới 56 được liên kết với toàn bộ bề mặt, hoặc một phần bề mặt của cốc trong 52. Độ co giãn và độ linh hoạt của lớp lưới 56 cao hơn so với cốc trong 52.

Phần cốc 10 được hình thành bằng cách, ví dụ, nhợp nhất lớp đệm 51, cốc trong 52, lớp lưới 56, và lớp đệm 53 đã mô tả ở trên bằng phương pháp liên kết nén nhiệt, v.v..., và sau đó may các lớp đã hợp nhất thu được với vải lót 50 và vải ngoài 54.

Cấu tạo của cốc trong

Cốc trong 52 có, ví dụ, phần cốc trong 60 và 61 đối xứng theo hướng phải và trái và che ngực người mặc, phần nối 62 để nối phần cốc trong 60 và 61, và phần đỡ ngực 63 để đỡ phần dưới của ngực người mặc, như được minh họa trong Fig. 4 và 5.

Hình dạng tổng thể của mỗi phần cốc trong 60, 61 giống như vòm nhô ra trước. Mỗi phần cốc trong 60, 61 có phần mặt trên 70 mà dần dần đi lên từ phần nối 62 hướng tới phía ngoài theo hướng phải và trái khi nhìn từ mặt trước. Phần mặt trên 70 có, ví dụ, hình dạng lượn sóng và được thiết kế để co giãn được theo hướng dọc mặt trên (hướng này được gọi là hướng mặt trên A, mà thể hiện bằng mũi tên trong Fig. 4 và 5). Nói cách khác, phần mặt trên 70 dễ co giãn theo hướng mặt trên A. Hơn nữa, phần mặt trên 70 có các sóng 80 và 81, mỗi sóng nhô lên phía trên để được thu hẹp. Với cấu tạo này, phần mặt trên 70 dễ dàng biến dạng theo hướng trước và sau.

Phần mặt trên 70 có nhiều sóng thứ nhất 80 (ví dụ, hai sóng tương đối lớn) gần trung tâm theo hướng mặt trên A, và có sóng thứ hai 81 tương đối nhỏ trên cả hai mặt của sóng thứ nhất 80 (ví dụ, một sóng thứ hai 81 trên mỗi mặt). Mỗi sóng thứ nhất 80 có chiều cao H (như thể hiện trong Fig. 5) là, ví dụ, 10mm hoặc lớn hơn, và tốt hơn là 10mm hoặc lớn hơn và 14mm hoặc nhỏ hơn.

Như thể hiện trong Fig. 4, phần nối 62 được đặt giữa phần cốc trong 60 và 61 và chiều rộng của nó theo hướng trên và dưới là nhỏ nhất trong cốc trong 52. Phần nối 62 có phần mặt trên lượn sóng 90 nối tiếp phần mặt trên 70.

Phần mặt trên 90 có, ví dụ, sóng 100 mà được tạo hình lõm xuống. Sóng 100 nối tiếp với các sóng thứ hai 81 của phần cốc trong phải và trái 60 và 61, với các sóng thứ hai 81 này nhô lên. Theo đó, cốc trong 52 có hình lượn sóng tiếp tục mở rộng qua các phần mặt trên tương ứng 70 của phần cốc trong 60 và 61 và phần mặt trên 90 của phần nổi 62. Hình lượn sóng này của cốc trong 52 có sự đối xứng theo hướng phải và trái khi nhìn từ mặt trước. Phần nổi 62 có phần mặt dưới 91 mà nhô đều lên trên.

Như được minh họa trong Fig. 1 và 2, mỗi cạnh trên 30 và 31 của phần cốc 10 đi xuống hướng về trung tâm theo hướng phải và trái để có hình dạng cong nhô lên. Như thể hiện trong Fig. 2, vải lót 50, lớp đệm 51 và 53, và vải ngoài 54, mà cấu thành phần cốc 10, lần lượt có các cạnh trên 50a, 51a, 53a, và 54a, và các cạnh trên này tương tự với các cạnh trên 30 và 31 của phần cốc 10. Trong khi đó, cốc trong 52 có phần mặt trên lượn sóng 70. Như mô tả trong Fig. 1, các cạnh trên 30 và 31 của phần cốc 10 mở rộng để về cơ bản nối đỉnh của mỗi sóng thứ nhất 80 của cốc trong 52. Các phần lõm tạo thành trên hai mặt của sóng 80 có vai trò như là phần cắt (khoảng trống) 105 lùi so với cạnh trên 30, 31 của phần cốc 10. Phần cắt 105 này, ví dụ, được độn bằng lớp đệm mặt trước và sau 51 và 53, và lớp đệm 51 và 53 được nối trực tiếp với nhau trong phần cắt 105, như thể hiện trong Fig. 3.

Như được minh họa trong Fig. 4, dây nhựa 55 được đặt dọc cạnh dưới của mỗi phần cốc trong 60, 61 và cong để nhô xuống dưới.

Mỗi phần cốc trong 60 và 61 có một số lượng lớn các lỗ thon dài 110 được bố trí xung quanh đỉnh cốc C, tương ứng với đỉnh ngực của người mặc. Mỗi lỗ thon dài 110 được bố trí sao cho kéo dài theo hướng chu vi xung quanh đỉnh cốc C. Một số lượng lớn các lỗ thon dài 110 được bố trí, ví dụ, theo dạng xoắn ốc hoặc đồng tâm. Một số lượng lớn các lỗ thon dài 110 được bố trí thành nhiều lớp (ví dụ, ba đến mười lớp) theo hướng tỏa tròn xung quanh đỉnh cốc C là trung tâm. Với số lượng lớn các lỗ thon dài 110 này, phần cốc trong 60 và 61 co giãn được theo ba chiều hướng về phía trước.

Như được minh họa trong Fig. 5, kích thước chu vi của mỗi lỗ thon dài 110 trong số một số lượng lớn các lỗ thon dài tăng lên khi tăng khoảng cách từ đỉnh cốc C. Ví dụ, kích thước chu vi (theo chiều dọc) của mỗi lỗ thon dài 110 tăng dần lên khi tăng khoảng cách từ đỉnh cốc C. Ví dụ, khi một số lượng lớn các lỗ thon dài 110 được bố trí thành năm lớp theo hướng tỏa tròn, chiều dài chu vi của các lỗ thon dài 110a của lớp thứ nhất,

mà gần đỉnh cốc C nhất, nhỏ hơn chiều dài chu vi của lỗ thon dài 110b và 110c của lớp thứ hai và thứ ba, và chiều dài chu vi của các lỗ thon dài 110b và 110c của lớp thứ hai và thứ ba thì nhỏ hơn chiều dài chu vi của các lỗ thon dài 110d và 110e của lớp thứ tư và thứ năm. Ngoài ra, một số lượng lớn các lỗ thon dài 110 được sắp xếp sao cho các vị trí của các lỗ thon dài liên tiếp theo hướng tỏa tròn trong số một số lượng lớn các lỗ thon dài 110 được dịch chuyển tương đối với nhau theo hướng chu vi.

Mỗi phần cốc trong 60 và 61 có, ví dụ, vùng thứ nhất R1 trong đó các lỗ thon dài 110 đã mô tả ở trên được bố trí, và các vùng thứ hai, thứ ba và thứ bốn R2, R3 và R4 không được bố trí các lỗ thon dài 110.

Vùng thứ hai R2 là, ví dụ, vùng bao gồm phần mặt trên 70 của cốc trong 52. Vùng này có hình lượn sóng có chiều rộng theo hướng trên và dưới.

Vùng thứ nhất R1 và vùng thứ hai R2 có đường bao lượn sóng E (là một đường tưởng tượng) ở giữa. Đỉnh và đáy của các sóng của đường bao E khớp với đỉnh và đáy của sóng phần mặt trên 70 trong vùng thứ hai R2. Cụ thể hơn, mỗi đỉnh sóng của đường bao E nằm ở vị trí tương ứng với vị trí của mỗi phần mặt trên 70, và mỗi đáy sóng của đường bao E nằm ở vị trí tương ứng với mỗi vị trí của mỗi đáy sóng của phần mặt trên 70.

Vùng thứ ba R3 nằm ở phía đối diện vùng thứ nhất R1 so với phần mặt trên 70 của phần cốc trong 60, 61, sao cho vùng thứ nhất R1 được kẹp giữa vùng thứ ba R3 và phần mặt trên 70. Vùng thứ ba R3 là, ví dụ, vùng hình vòng cung bao quanh một phần vùng thứ nhất R1.

Vùng thứ tư R4 là vùng hình tròn xung quanh đỉnh cốc C, bao gồm đỉnh cốc C.

Mỗi phần cốc trong 60, 61 còn bao gồm lỗ khí 120 (có, ví dụ, hình tròn) mà được bố trí trong vùng thứ ba R3.

Như thể hiện trong Fig. 4, không bố trí lỗ thon dài 110 trong phần nổi 62 và phần đỡ ngược 63. Thay vào đó, phần đỡ ngược 63 có các lỗ khí tròn 120. Các lỗ khí trong phần đỡ ngược 63 có đường kính nhỏ hơn đường kính của các lỗ khí 120 được bố trí trong các phần cốc trong 60 và 61.

Các lỗ thon dài 110 và lỗ khí 120 được bố trí trong cốc trong 52 được che bằng lớp lưới 56.

Hiệu quả của áo ngực

Hiệu quả của áo ngực 1 có cấu tạo đã mô tả ở trên sẽ được mô tả. Áo ngực 1 bao gồm cốc trong 52 được bố trí bên trong phần cốc 10. Cốc trong 52 có phần cốc trong 60 và 61, mỗi phần cốc trong này có phần mặt trên dạng sóng 70, và phần mặt trên 70 này co giãn theo hướng mặt trên A. Phần mặt trên 70 cũng có thể biến dạng theo hướng trước và sau F. Mỗi phần cốc trong 60 và 61 có nhiều lỗ thon dài dọc chu vi 110 xung quanh đỉnh cốc C, và, với các lỗ 110 này, phần cốc trong 60 và 61 có thể co giãn theo ba chiều hướng về phía trước.

Khi một người mặc áo ngực 1, phần mặt trên 70 của phần cốc trong 60 và 61 co giãn theo hướng mặt trên A và biến dạng theo hướng trước và sau F, theo kích thước, hình dạng, v.v., của ngực người (người mặc), và hơn nữa, phần cốc trong 60 và 61 co giãn theo ba chiều hướng về phía trước. Ví dụ, như thể hiện trong Fig. 6, khi ngực người mặc tương đối lớn, sóng của phần mặt trên 70 co giãn với lượng lớn theo hướng mặt trên A và phần cốc trong 60 và 61 có giãn theo ba chiều với lượng tương đối lớn hướng về phía trước. Ví dụ, như thể hiện trong Fig. 7, khi ngực người mặc tương đối nhỏ, sóng của phần mặt trên 70 co giãn với lượng tương đối nhỏ theo hướng phía mặt A và phần cốc trong 60 và 61 co giãn theo ba chiều với lượng tương đối nhỏ hướng về phía trước. Hơn nữa, trong Fig. 6 và 7, phần mặt trên 70 biến dạng theo hướng trước và sau F theo hình dạng của bề mặt ngực. Theo kiểu này, cốc trong 52 của áo ngực 1 biến dạng theo kích thước và hình dạng của ngực người mặc, để vừa với ngực của người mặc.

Theo phương án này, mỗi phần mặt trên 70 của cốc trong 52 có cấu trúc dạng lượn sóng, và cấu trúc lượn sóng này cho phép phần mặt trên 70 của cốc trong 52 co giãn và biến dạng theo kích thước và hình dạng của ngực người mặc. Kết quả là, nhiều người mặc thấy vừa vặn với ngực của họ, và áo ngực 1 theo phương án này sẽ là áo ngực có đặc tính vừa vặn tuyệt vời. Hơn nữa, phần mặt trên 70 có cấu trúc lượn sóng này không gây ra một lực siết chặt lớn khi nó co giãn, và điều này tạo ra sự vừa vặn tốt đối với ngực người mặc trong khi lại duy trì được hình dạng của ngực. Hơn nữa, phần mặt trên 70 có cấu trúc lượn sóng có khả năng giữ ngực người mặc theo hình dạng đã định, do đó áo ngực 1 theo phương án này có thể kiểm soát được hình dạng của ngực. Theo đó, áo ngực 1 có khả năng kiểm soát được ngực của người mặc ở hình dạng đẹp trong khi vẫn tạo ra sự vừa vặn đối với ngực.

Cấu trúc sóng của phần mặt trên 70 co giãn theo hướng dọc theo phần mặt trên 70, và cấu trúc này còn giúp phần mặt trên 70 thay đổi theo kích thước và hình dạng của ngực người mặc.

Cấu trúc sóng của cốc trong 52 tạo thành nối tiếp qua phần mặt trên tương ứng 70 của phần cốc trong phải và trái 60 và 61 và phần mặt trên 90 của phần nối 62, do đó toàn bộ cốc trong 52 có đặc tính co giãn cải thiện theo hướng mặt trên A.

Cốc trong 52 có số lượng lớn các lỗ thon dài 110, mỗi lỗ thon dài kéo dài theo hướng chu vi xung quanh đỉnh cốc C, mà tương ứng với đỉnh của ngực người mặc, và điều này làm tăng đặc tính co giãn của cốc trong 52 theo hướng về phía trước của người mặc (có nghĩa là, theo hướng trong đó ngực nở ra). Kết quả là, đặc tính co giãn của cốc trong 52 tăng theo cả hướng mặt trên A và hướng phía trước, khiến cho áo ngực 1 có thể kéo giãn theo hình dạng ba chiều của ngực người mặc và tạo ra sự vừa vặn cải thiện đối với ngực của họ.

Do một số lượng lớn các lỗ thon dài 110 được bố trí đồng tâm hoặc xoắn ốc xung quanh đỉnh cốc C, cốc trong 52 co giãn dễ dàng hơn hướng về phía trước, khiến cho áo ngực 1 có thể tạo ra được sự vừa vặn cải thiện đối với ngực.

Một số lượng lớn các lỗ thon dài 110 được bố trí theo kiểu sao cho chiều dài chu vi của mỗi lỗ 110 tăng khi tăng khoảng cách từ đỉnh cốc C. Trong trường hợp này, cốc trong 52 có thể co giãn phù hợp theo hướng về phía trước thậm chí ở vị trí cách xa đỉnh cốc C, khiến cho áo ngực 1 có thể tạo ra sự vừa vặn cải thiện hơn nữa đối với ngực. Xin lưu ý rằng, sự sắp xếp trong đó “chiều dài chu vi của mỗi lỗ 110 tăng lên khi tăng khoảng cách từ đỉnh cốc C” không bị hạn chế bởi sự sắp xếp trong đó chiều dài chu vi tăng theo từng bước khi tăng khoảng cách từ đỉnh cốc C, nhưng cũng bao gồm sự sắp xếp trong đó chiều dài chu vi tăng từ từ khi tăng khoảng cách từ đỉnh cốc C.

Do phần mặt trên 70 của cốc trong 52 có vùng trong đó không bố trí lỗ thon dài 110 (tức là, vùng thứ hai R2), vùng này cho phép cốc trong 52 duy trì hình dạng tốt.

Cốc trong 52 có vùng thứ nhất R1 được bố trí lỗ thon dài 110 và vùng thứ hai R2 liền kề vùng thứ nhất R1, với vùng thứ hai R2 nằm trong phần mặt trên 70 và không bố trí các lỗ thon dài 110 ở đó. Ngoài ra, vùng thứ nhất R1 và vùng thứ hai R2 có đường bao lượn sóng E, và đỉnh và đáy của sóng trong đường bao E này tương ứng với đỉnh và đáy của sóng của phần mặt trên 70. Cấu tạo này đảm bảo rằng vùng thứ hai R2 trong

phần mặt trên 70 không có các lỗ thon dài 110 có chiều rộng nhất định dọc theo phần mặt trên 70, và theo đó, sự co giãn của phần mặt trên 70 theo hướng mặt trên A có thể thu được đủ qua phần mặt trên 70. Kết quả là, phần mặt trên 70 có khả năng co giãn đủ để tạo ra sự vừa vặn tốt cho ngực của người mặc, trong khi kiểm soát ngực của người mặc theo hình dạng đẹp.

Cốc trong 52 còn có vùng thứ ba R3 nằm ở phía đối diện của vùng thứ nhất R1 tương ứng với vùng thứ hai R2 của phần mặt trên 70, do đó vùng thứ nhất kẹp giữa vùng thứ ba R3 và vùng thứ hai R2, trong đó vùng thứ ba R3 bao quanh một phần vùng thứ nhất R1 và không bố trí các lỗ thon dài 110 ở đó. Trong trường hợp này, vùng thứ ba R3, mà có đặc tính co giãn thấp, được bố trí ngay phía dưới vùng co giãn thứ nhất R1, do đó phần thấp hơn của ngực người mặc có thể được giữ theo cách thích hợp.

Cốc trong 52 cũng có vùng trong đó không tạo ra lỗ thon dài 110 (có nghĩa là, vùng thứ tư R4) xung quanh đỉnh cốc C, và cấu tạo này có thể đáp ứng yêu cầu của người mặc mà thích kiểm soát và giảm phần nhô ra của đỉnh ngực về phía trước.

Cốc trong 52 có phần đỡ ngực 63 để phủ và đỡ phần dưới của ngực người mặc, và không tạo ra lỗ thon dài 110 trong phần đỡ ngực 63 này. Cấu tạo này cho phép ngực của người mặc được đỡ từ phía dưới và được giữ tương xứng ở hình dạng tốt.

Lớp lưới 56 để che phủ lỗ thon dài 110 được đặt lên trên bề mặt của cốc trong 52, và điều này có thể hỗ trợ duy trì hình dạng của cốc trong 52.

Phần cốc 10 có lớp đệm 53 và 51 lần lượt trên phía bề mặt trước (trên phía của vải ngoài 54) và trên phía bề mặt sau (trên phía của vải lót 50) của cốc trong 52, và cấu tạo này cho phép, ví dụ, làm phẳng bề mặt trước và bề mặt sau của phần cốc 10, cải thiện sự tiếp xúc của phần cốc 10, và bảo vệ mỗi thành phần của phần cốc 10.

Áo ngực 1 theo phương án mô tả ở trên được tạo cấu trúc sao cho cốc trong 52 có phần mặt trên lượn sóng 70 và các lỗ thon dài 110. Tuy nhiên, sáng chế này không bị giới hạn ở các cấu trúc trên, và có thể được cấu tạo không có các lỗ thon dài 110. Hơn nữa, theo phương án tham chiếu, cốc trong 52 có thể được cấu tạo có các lỗ thon dài 110, mà không có phần mặt trên lượn sóng 70. Cấu tạo này cũng làm tăng đặc tính co giãn của cốc trong 52 đối với người mặc theo hướng về phía trước (có nghĩa là, hướng mà ngực của người mặc nở ra) do sự hiện diện của các lỗ thon dài theo chu vi 110 xung

quanh đỉnh cốc C của cốc trong 52. Kết quả là, số lượng lớn người mặc có thể cảm thấy sự vừa vặn với ngực của họ, dẫn đến áo ngực 1 có đặc tính vừa vặn tuyệt vời.

Hơn nữa, hình dạng của mỗi phần mặt trên 70 của cốc trong 52 và số lượng sóng tạo ra trong phần mặt trên 70 không bị giới hạn chế ở các hình dạng theo phương án đã mô tả ở trên. Phần mặt trên 70 của cốc trong 52 có thể có hình dạng khác, miễn là phần mặt trên 70 bao gồm cấu trúc lượn sóng. Hơn nữa, hình dạng lượn sóng này không bị giới hạn ở dạng sóng cong đều, và các dạng zigzag khác, chẳng hạn như kiểu lặp lại các sóng tam giác hoặc sóng vuông, cũng được bao hàm trong dạng lượn sóng.

Hình dạng, số lượng và sự sắp xếp lỗ thon dài 110 không bị giới hạn ở phương án đã mô tả ở trên. Ví dụ, lỗ thon dài 110 theo phương án trên có chiều rộng đồng đều theo hướng chu vi, nhưng lỗ thon dài 110 thay vào đó có thể là các lỗ có các phần mà có chiều rộng biến thiên theo chu vi. Ngoài ra, hình dạng và cấu trúc của phần cốc 10, và hình dạng và cấu trúc của cốc trong 52 không bị giới hạn ở các hình dạng theo phương án đã mô tả ở trên. Hơn nữa, hình dạng và cấu trúc của áo ngực 1 không bị giới hạn ở phương án đã mô tả ở trên.

Ví dụ, áo ngực 1 của phương án mô tả ở trên có dây đai 14 và 15, và dây đai 14 và 15 này có thể tháo rời. Hơn nữa, áo ngực 1 có thể được thiết kế không có dây đai 14 và 15. Phương án nêu trên đã mô tả áo ngực là một ví dụ về đồ để mặc, nhưng sáng chế này có thể được áp dụng đối với đồ để mặc khác có cốc, chẳng hạn như các đồ lót khác có cốc.

Khả năng áp dụng công nghiệp

Sáng chế này hữu ích trong việc tạo ra đồ để mặc, chẳng hạn như áo ngực, có đặc tính vừa vặn tốt khiến một số lượng lớn người mặc cảm thấy vừa vặn với ngực của họ.

Danh sách các ký hiệu tham chiếu

1	Áo ngực
10	Phần cốc
50	Vải lót
52	Cốc trong
54	Vải ngoài

- 60, 61 Phần cốt trong
- 70 Phần mặt trên
- 110 Lỗ thon dài

YÊU CẦU BẢO HỘ

1. Đồ để mặc (1) có phần cổ (10) để che ngực của người mặc, người mà mặc đồ để mặc (1), trong đó

phần cổ (10) bao gồm cổ trong (52) được bố trí bên trong phần cổ (10),

cổ trong (52) có phần mặt trên (70), phần cổ trong bên trái và bên phải (60, 61) và phần nối (62) mà nối phần cổ trong bên trái và bên phải (60, 61),

phần mặt trên (70) có cấu trúc dạng lượn sóng,

cấu trúc dạng lượn sóng co giãn được theo hướng dọc theo phần mặt trên (70),

và

cấu trúc dạng lượn sóng được bố trí nối tiếp qua phần mặt trên (70) của phần cổ trong phải và trái (60, 61) và phần mặt trên (90) của phần nối (62).

2. Đồ để mặc (1) theo điểm 1, trong đó cổ trong (52) có một số lượng lớn lỗ thon dài (110) được bố trí xung quanh đỉnh cổ (C), đỉnh cổ (C) tương ứng với đỉnh của ngực người mặc, trong đó các lỗ thon dài (110) được kéo dài theo hướng chu vi xung quanh đỉnh cổ (C).

3. Đồ để mặc (1) theo điểm 2, trong đó một số lượng lớn các lỗ thon dài (110) được bố trí đồng tâm hoặc xoắn ốc xung quanh đỉnh cổ (C).

4. Đồ để mặc (1) theo điểm 3, trong đó kích thước chu vi của mỗi lỗ thon dài (110) tăng lên khi tăng khoảng cách từ đỉnh cổ (C).

5. Đồ để mặc (1) theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 2 đến 4, trong đó phần mặt trên (70) của cổ trong (52) có vùng (R2) trong đó không bố trí các lỗ thon dài (110).

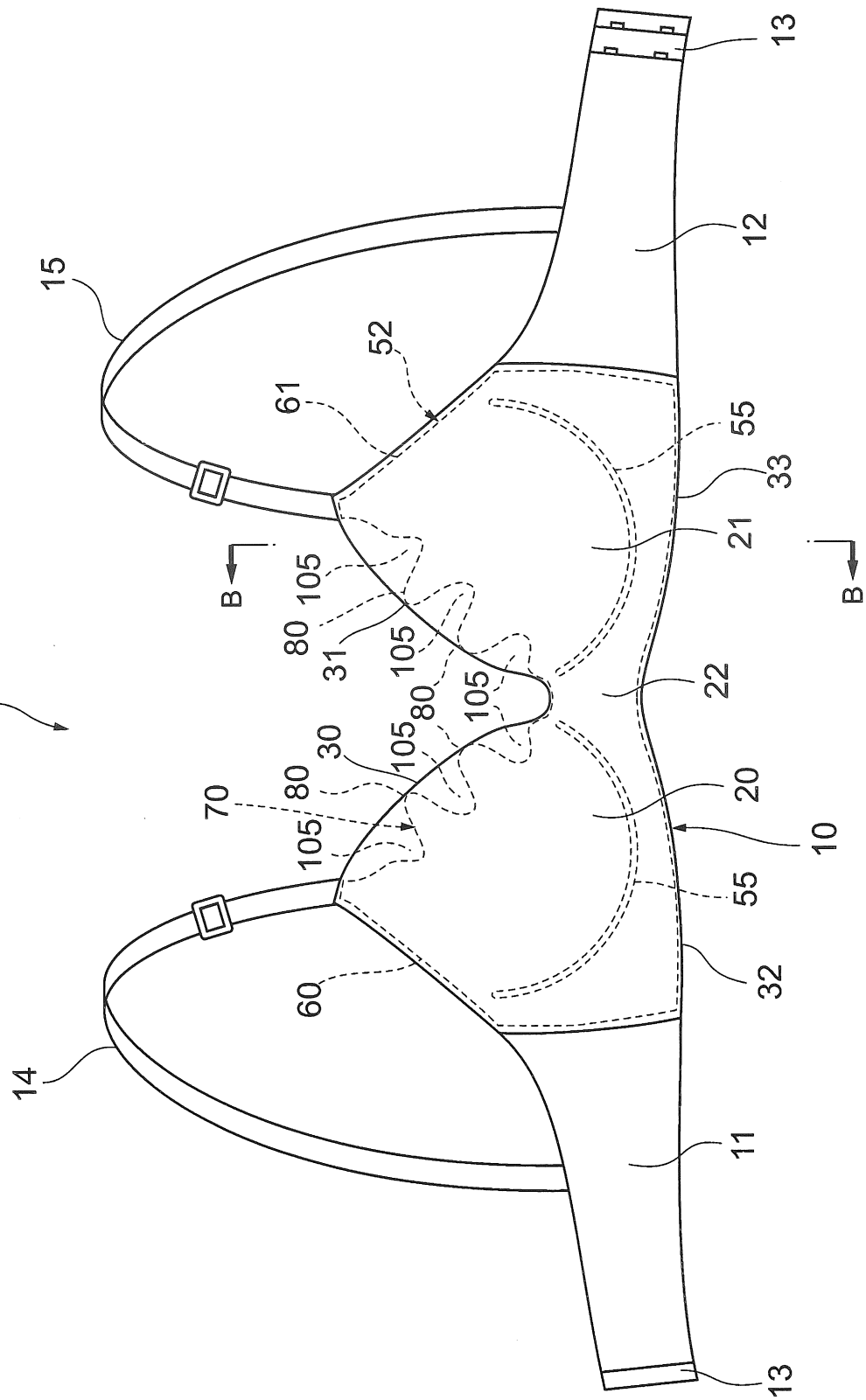
6. Đồ để mặc (1) theo điểm 5, trong đó cổ trong (52) có vùng thứ nhất (R1) trong đó lỗ thon dài (110) được bố trí và vùng thứ hai (R2) liền kề vùng thứ nhất (R1), vùng thứ hai (R2) là vùng trong phần mặt trên (70) trong đó không bố trí các lỗ thon dài (110),

trong đó vùng thứ nhất (R1) và vùng thứ hai (R2) có đường bao lượn sóng (E) ở giữa, và

trong đó đỉnh và đáy của sóng của đường bao lượn sóng (E) tương ứng với các đỉnh và đáy của sóng của hình lượn sóng của phần mặt trên (70).

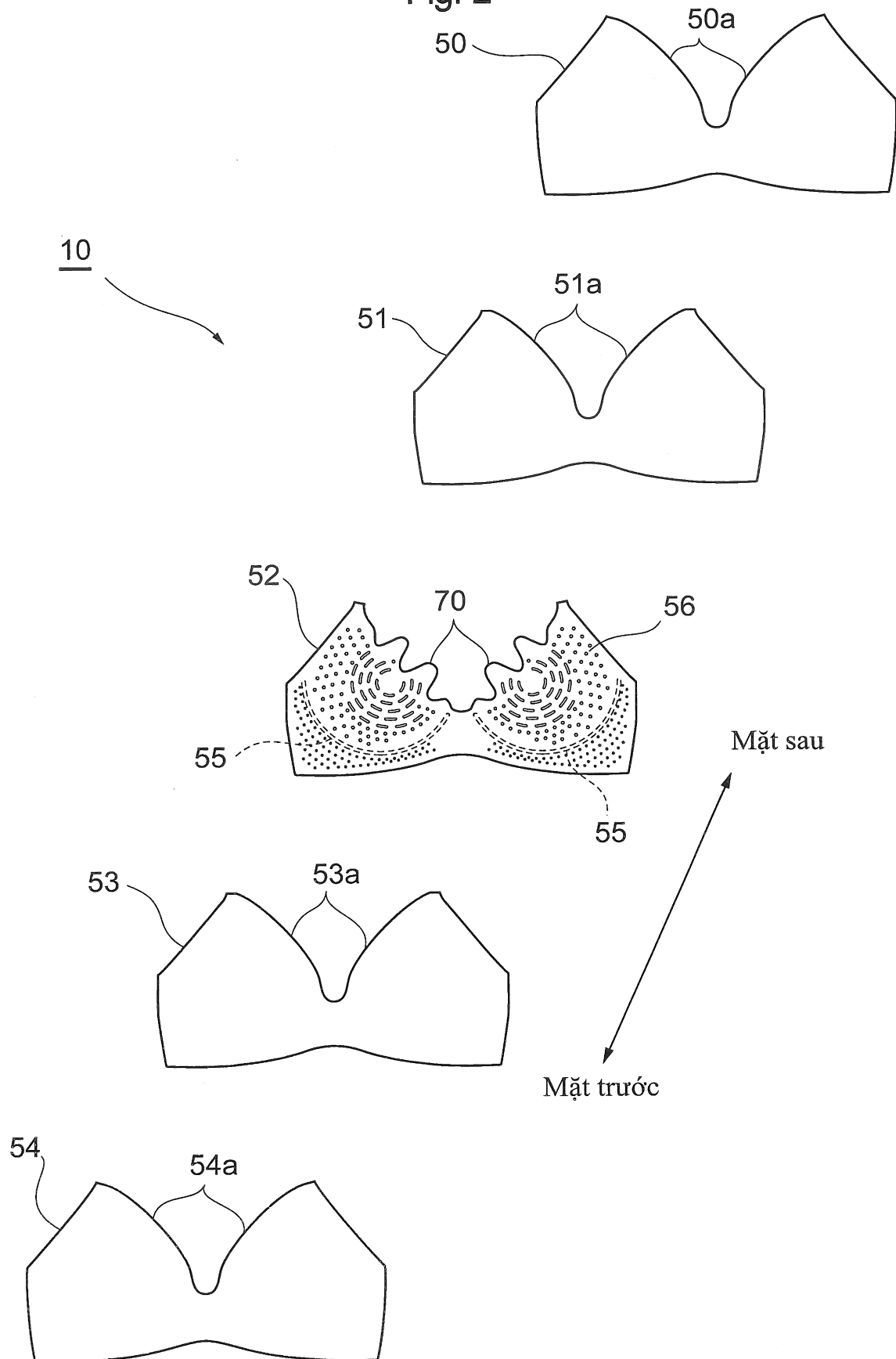
7. Đồ để mặc (1) theo điểm 6, trong đó cốc trong (52) có vùng thứ ba (R3) nằm ở phía đối diện của vùng thứ nhất (R1) tương ứng với vùng thứ hai (R2) của phần mặt trên (70), với vùng thứ nhất (R1) kẹp giữa vùng thứ ba (R3) và vùng thứ hai (R2), trong đó vùng thứ ba (R3) bao quanh một phần vùng thứ nhất (R1) và không bố trí các lỗ thon dài (110) trong vùng thứ ba (R3).
8. Đồ để mặc (1) theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 2 đến 7, trong đó cốc trong (52) có vùng (R4) trong đó không bố trí lỗ thon dài (110) xung quanh đỉnh cốc (C).
9. Đồ để mặc (1) theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 2 đến 8, trong đó cốc trong (52) còn bao gồm phần đỡ ngực (63) mà che và đỡ phần bên dưới của ngực người mặc, và trong đó không bố trí lỗ thon dài (110) trong phần đỡ ngực (63).
10. Đồ để mặc (1) theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 2 đến 9, trong đó lớp lưới (56) mà che các lỗ thon dài (110) được bố trí trên bề mặt của cốc trong (52).
11. Đồ để mặc (1) theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 10, trong đó phần cốc (10) có lớp đệm tương ứng (51, 53) ở mặt trước và mặt sau của cốc trong (52).
12. Đồ để mặc (1) theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 11, trong đó đồ để mặc (1) là áo ngực.

Fig. 1



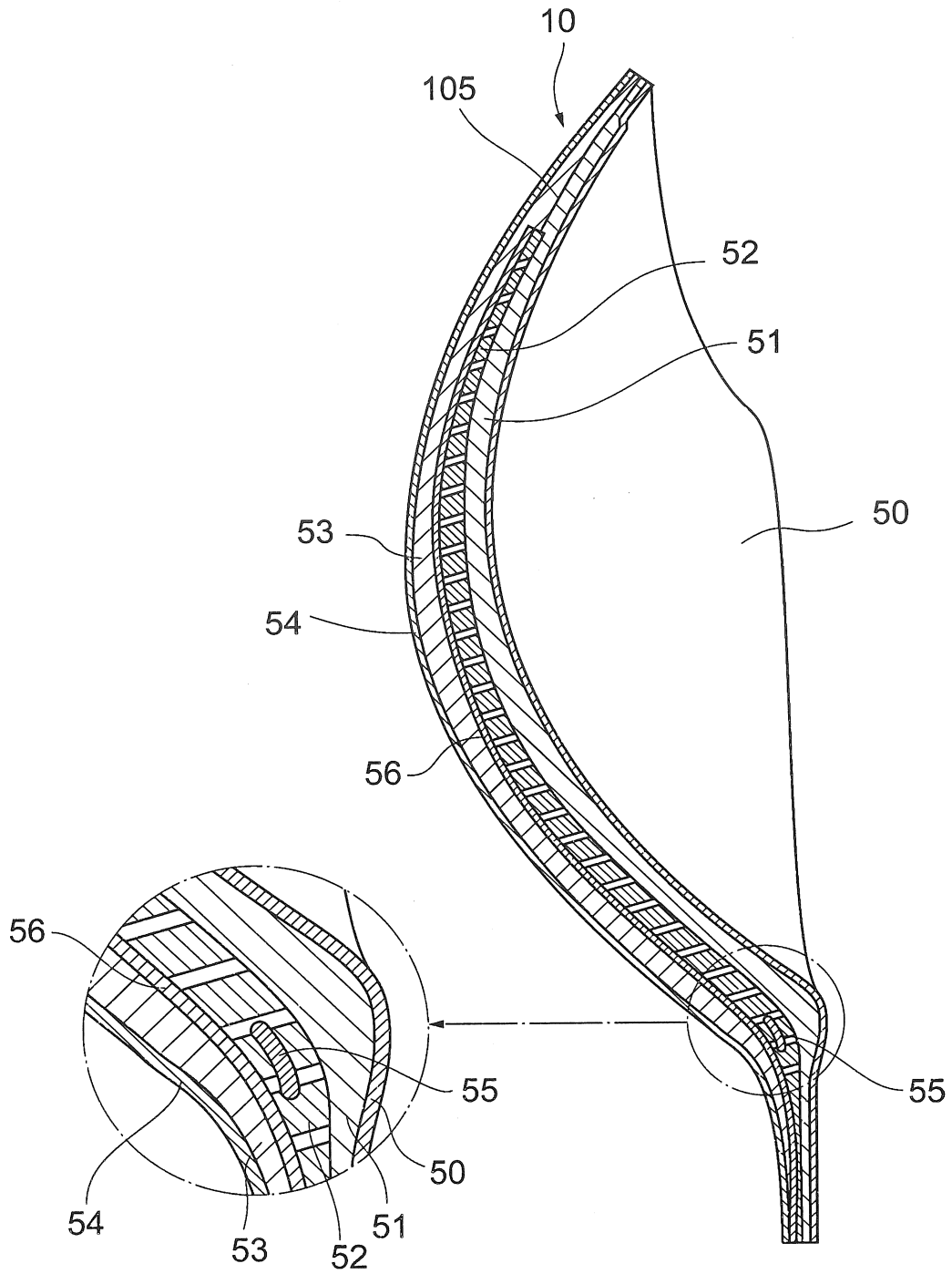
2/7

Fig. 2

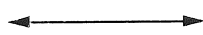


3/7

Fig. 3



Mặt trước



Mặt sau

B-B

Fig. 4

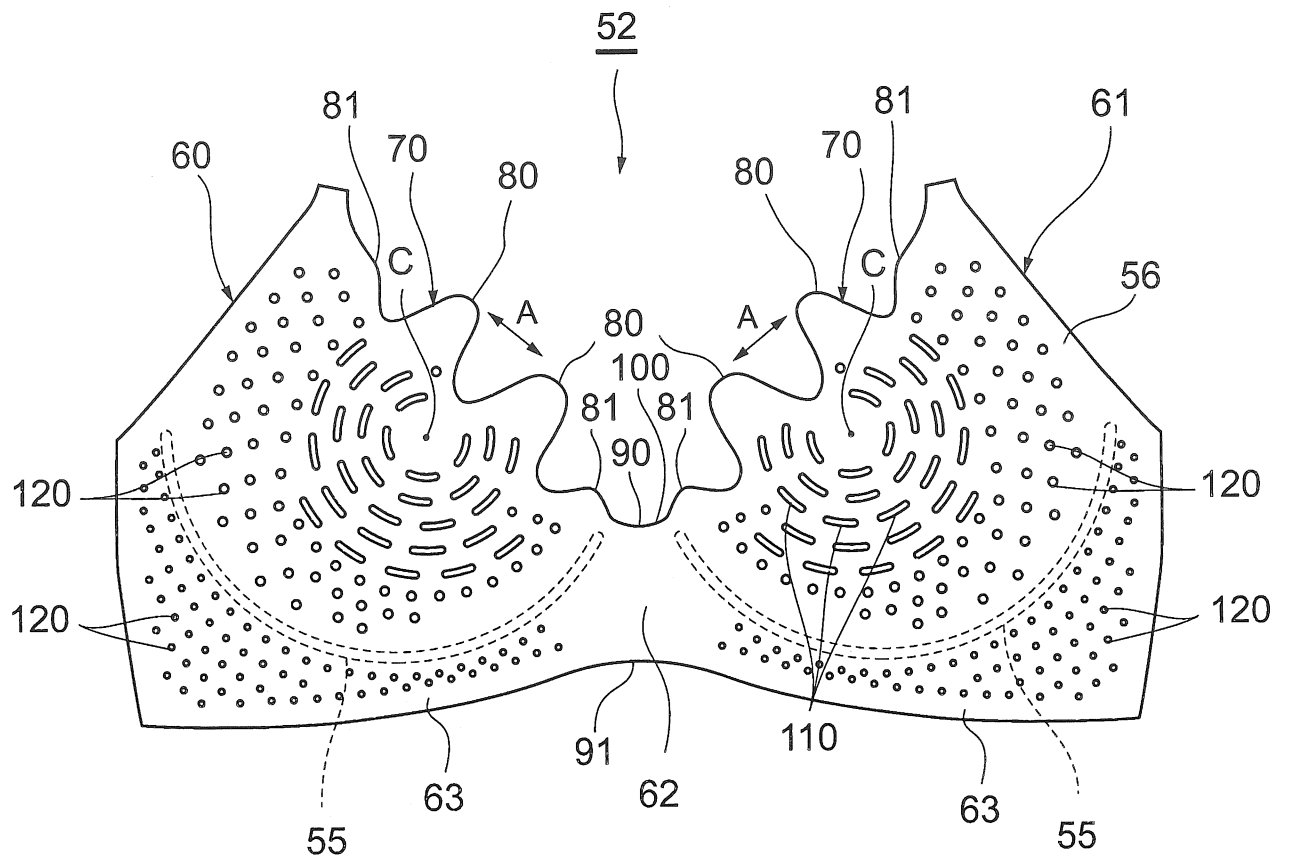


Fig. 5

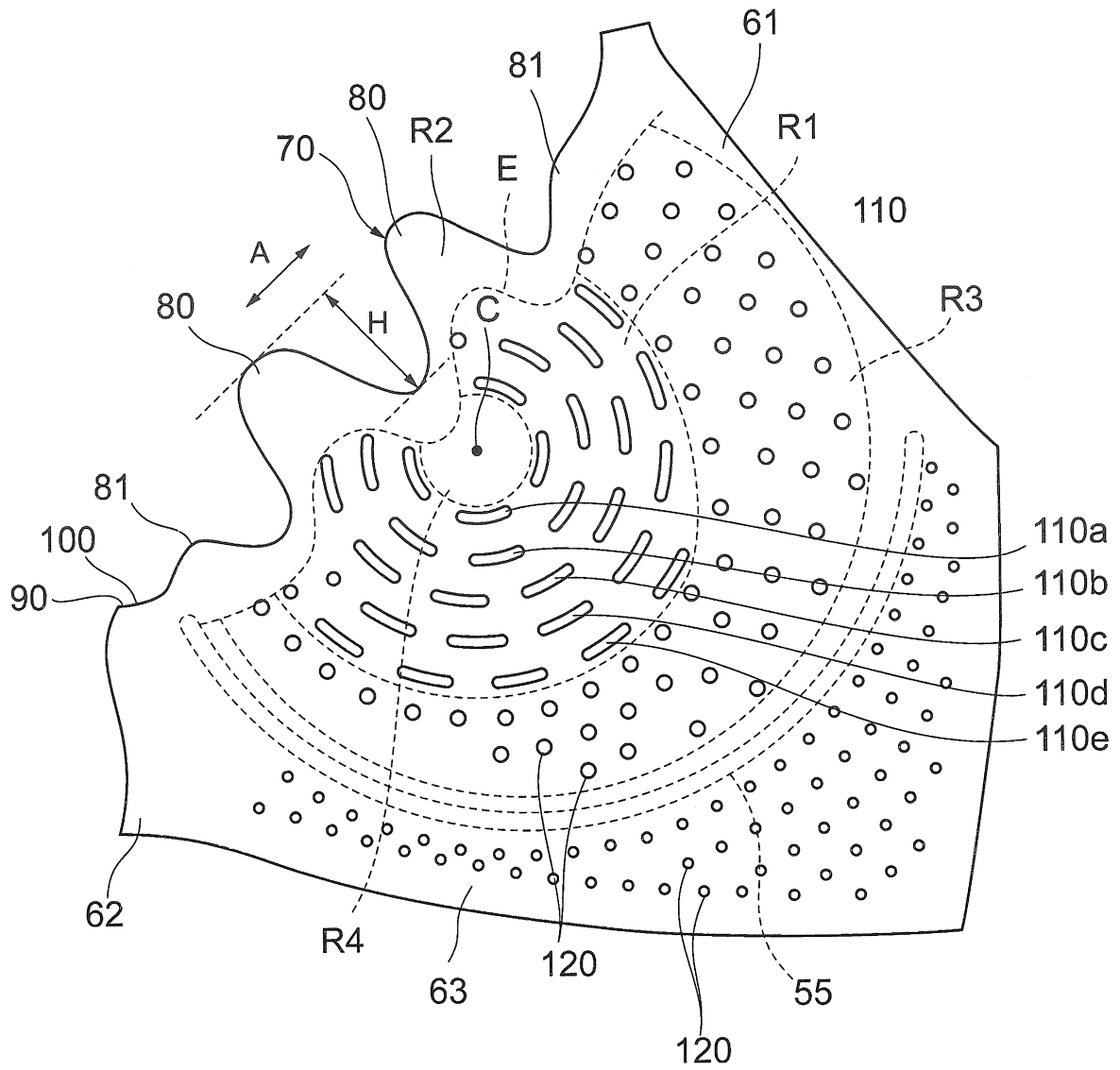


Fig. 6

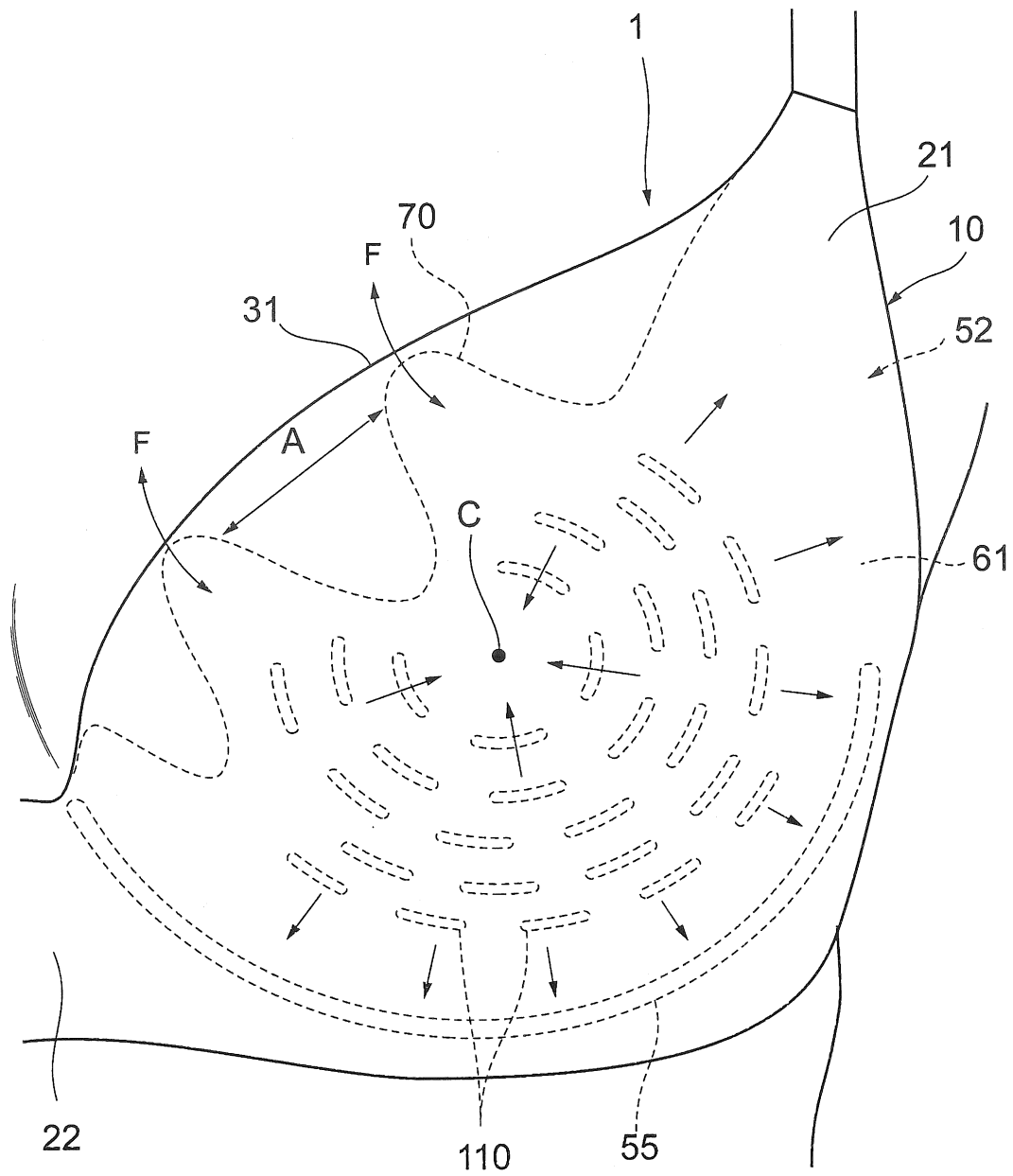


Fig. 7

